

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM  
KHÍ QUỐC TẾ**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ**

Lầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 29



# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Lầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế (gọi tắt là “Công ty mẹ”) và công ty con (Công ty mẹ và công ty con sau đây gọi chung là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Tài Cương	Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên
Ông Vũ Văn Đức	Thành viên
Ông Nguyễn Thế Anh	Thành viên
Bà Đỗ Thị Ngọc Thanh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 09 tháng 10 năm 2013)
Ông Hồ Sĩ Thuận	Thành viên (bổ nhiệm ngày 09 tháng 10 năm 2013)

#### Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Ngọc Anh	Giám đốc
Ông Vũ Văn Đức	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Anh	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 18 tháng 3 năm 2013)

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Tổng Giám đốc đại diện cho Ban Giám đốc,

Nguyễn Ngọc Anh  
Giám đốc

Ngày 11 tháng 3 năm 2014



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế (gọi tắt là “Công ty mẹ”) và công ty con (Công ty mẹ và công ty con sau đây gọi chung là “Công ty”), được lập ngày 11 tháng 3 năm 2014, từ trang 03 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”).

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Vũ Đức Nguyên**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0764-2013-001-1  
Thay mặt và đại diện cho  
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam  
Ngày 11 tháng 3 năm 2014  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Trần Thị Kim Khánh**  
Kiểm toán viên  
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0395-2013-001-1

12501  
HI NH  
ÔNG  
NHỊ  
LOI  
IET I  
TP.  
305  
CÓN  
CÔ  
NTÀ  
KHÍ  
11

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ**

Lầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

**MẪU B 01-DN**

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>303.748.090.158</b>	<b>260.612.652.975</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>49.175.009.189</b>	<b>123.850.075.947</b>
1. Tiền	111		38.632.509.189	18.850.075.947
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.542.500.000	105.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>155.000.000.000</b>	<b>75.000.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	155.000.000.000	75.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>81.351.184.673</b>	<b>38.742.720.738</b>
1. Phải thu khách hàng	131		75.308.606.429	32.127.021.045
2. Trả trước cho người bán	132		3.643.643.047	2.776.243.540
3. Các khoản phải thu khác	135	7	3.225.706.696	4.804.637.006
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(826.771.499)	(965.180.853)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>15.075.289.732</b>	<b>18.763.513.755</b>
1. Hàng tồn kho	141	8	15.075.289.732	18.763.513.755
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.146.606.564</b>	<b>4.256.342.535</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.167.468.922	3.693.532.472
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		334.569.178	189.327.063
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		644.568.464	373.483.000
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=220+260+269)	<b>200</b>		<b>397.698.963.231</b>	<b>254.501.706.469</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>344.865.597.863</b>	<b>202.517.966.456</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	344.865.597.863	202.472.682.617
- Nguyên giá	222		551.450.575.751	363.848.429.705
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(206.584.977.888)	(161.375.747.088)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	-	45.283.839
- Nguyên giá	228		262.420.550	262.420.550
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(262.420.550)	(217.136.711)
<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>51.413.571.066</b>	<b>49.854.048.276</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	49.650.883.238	48.969.048.276
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		130.237.193	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		1.632.450.635	885.000.000
<b>III. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>	<b>12</b>	<b>1.419.794.302</b>	<b>2.129.691.737</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>701.447.053.389</b>	<b>515.114.359.444</b>

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 29 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Mẫu B 01-DN**  
 Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>267.283.974.910</b>	<b>120.394.184.406</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>127.753.645.962</b>	<b>69.397.434.406</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	14	42.127.921.052	26.333.100.000
2. Phải trả người bán	312		69.368.226.436	26.428.798.687
3. Người mua trả tiền trước	313		-	2.139.041.915
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	5.820.144.017	6.019.547.807
5. Phải trả người lao động	315		8.286.893.248	5.219.065.629
6. Chi phí phải trả	316		1.525.867.621	2.051.550.838
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		112.037.697	1.136.361.668
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		512.555.891	69.967.862
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>139.530.328.948</b>	<b>50.996.750.000</b>
1. Vay dài hạn	334	14	139.530.328.948	50.996.750.000
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>374.193.003.257</b>	<b>360.894.918.367</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	15	<b>374.193.003.257</b>	<b>360.894.918.367</b>
1. Vốn cổ phần	411		300.000.000.000	300.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		1.709.511.521	1.709.511.521
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		6.793.019.735	5.935.411.217
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		7.177.872.353	4.677.215.283
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		58.512.599.648	48.572.780.346
<b>C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>	16	<b>59.970.075.222</b>	<b>33.825.256.671</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)</b>	<b>440</b>		<b>701.447.053.389</b>	<b>515.114.359.444</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngoại tệ các loại

- Đô la Mỹ

- Euro

31/12/2013

31/12/2012

787.725

251.229

235

245



Đỗ Đức Hùng  
 Người lập biểu



Đỗ Đức Hùng  
 Kế toán trưởng



Nguyễn Ngọc Anh  
 Giám đốc

Ngày 11 tháng 3 năm 2014

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ**

Lầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**MẪU B 02-DN**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2013		2012	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	864.730.025.019		688.992.127.134	
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10	18	864.730.025.019		688.992.127.134	
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	19	768.527.167.928		607.975.123.875	
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		96.202.857.091		81.017.003.259	
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	13.735.678.120		19.861.379.512	
6. Chi phí tài chính	22	22	7.891.834.453		8.233.957.742	
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.976.321.316		8.091.729.054	
7. Chi phí bán hàng	24		1.017.820.426		1.730.695.679	
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		31.114.688.407		28.045.801.630	
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		69.914.191.925		62.867.927.720	
10. Thu nhập khác	31		4.328.620.484		6.082.782.201	
11. Chi phí khác	32		271.321.202		2.950.439.743	
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	23	4.057.299.282		3.132.342.458	
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		73.971.491.207		66.000.270.178	
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	19.105.114.856		15.196.263.738	
15. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(130.237.193)		-	
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		54.996.613.544		50.804.006.440	
Phân bổ cho:						
- Cổ đông thiểu số		16	8.648.621.444		8.240.688.163	
- Cổ đông của Công ty mẹ			46.347.992.100		42.563.318.277	
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	1.545		1.419	



Đỗ Đức Hùng  
Người lập biểu



Đỗ Đức Hùng  
Kế toán trưởng



Nguyễn Ngọc Anh  
Giám đốc

Ngày 11 tháng 3 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 29 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ**

Lầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**MẪU B 03-DN**  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2013	2012
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>73.971.491.207</b>	<b>66.000.270.178</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
- Khấu hao tài sản cố định	02	46.017.083.632	41.018.604.259
- Các khoản dự phòng	03	(138.409.354)	965.180.853
- Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	04	760.027.057	(105.790.378)
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(13.348.275.212)	(19.352.324.420)
- Chi phí lãi vay	06	6.976.321.316	8.091.729.054
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>114.238.238.646</b>	<b>96.617.669.546</b>
- Thay đổi các khoản phải thu	09	(44.172.886.126)	114.429.106.700
- Thay đổi hàng tồn kho	10	3.688.224.023	517.247.320
- Thay đổi các khoản phải trả	11	41.337.666.757	(47.131.214.398)
- Thay đổi chi phí trả trước	12	1.824.026.925	(20.290.695.649)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(6.124.865.837)	(8.304.229.054)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(18.538.140.352)	(16.704.725.872)
- Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	15	88.490.507	547.571.577
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(2.667.141.142)	(302.935.307)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>89.673.613.401</b>	<b>119.377.794.863</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21	(188.634.615.941)	(1.581.717.502)
2. Tiền chi cho đầu tư ngắn hạn	23	(155.000.000.000)	(70.000.000.000)
3. Tiền thu từ đầu tư ngắn hạn	24	75.000.000.000	-
4. Thu lãi tiền gửi	27	13.476.371.731	17.458.352.198
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(255.158.244.210)</b>	<b>(54.123.365.304)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	24.500.000.000	-
2. Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	130.000.000.000	4.788.400.000
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(26.455.600.000)	(72.768.000.000)
4. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(37.222.094.627)	(41.117.824.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>90.822.305.373</b>	<b>(109.097.424.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(74.662.325.436)</b>	<b>(43.842.994.441)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>123.850.075.947</b>	<b>167.693.070.388</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	(12.741.322)	-
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>49.175.009.189</b>	<b>123.850.075.947</b>

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 29 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền lãi vay đã trả không bao gồm 851.455.479 đồng (năm 2012: 0 đồng), là số lãi vay phát sinh trong năm nhưng chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền thu từ lãi tiền gửi và cổ tức được chia không bao gồm số tiền là 2.435.153.481 đồng (năm 2012: 2.563.250.000 đồng), là số tiền lãi tiền gửi chưa thu được tại ngày 31 tháng 12 năm 2013. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Cổ tức đã trả cho cổ đông không bao gồm 58.410.000 đồng (năm 2012: 688.690.000 đồng), là số cổ tức được công bố trong năm 2013 nhưng chưa thanh toán cho các cổ đông. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.



Đỗ Đức Hùng  
Người lập biểu



Đỗ Đức Hùng  
Kế toán trưởng



Nguyễn Ngọc Anh  
Giám đốc

Ngày 11 tháng 3 năm 2014

# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Lầu 9, tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### Công ty mẹ:

Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế (gọi tắt là “Công ty mẹ”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008857 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 12 năm 2007 và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Hoạt động chính của Công ty mẹ là mua bán phương tiện vận tải, cho thuê tàu, kinh doanh vận tải hàng băng ô tô, đường thủy nội địa, kinh doanh vận tải biển và cung cấp các dịch vụ đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, cung ứng tàu biển, kiểm đếm hàng hóa, vệ sinh tàu biển, sửa chữa tàu biển tại cảng, giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, đào tạo nghề, bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan (trừ bán buôn gas tại thành phố Hồ Chí Minh).

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 153 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 147 người).

#### Công ty con

Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt (gọi tắt là “Công ty con”) được chuyển đổi từ Công ty TNHH Vận tải Nhật Việt theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0308515724 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 9 năm 2010 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh.

Hoạt động chính của Công ty con là vận tải hàng hóa ven biển, vận tải hàng hóa viễn dương, vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới; dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải ven biển và viễn dương, hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy nội địa; dịch vụ đại lý tàu biển; bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (trừ dầu mỏ hóa lỏng LPG tại thành phố Hồ Chí Minh); bán buôn hóa chất và bán buôn chuyên doanh khác.

Tổng số nhân viên của Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 102 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 72 người).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, tỷ lệ góp vốn thực tế và quyền biểu quyết của Công ty mẹ tại Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt là 51%.

### 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

#### **Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### 3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

#### **Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định**

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

1-002  
IÁNH  
TY  
HUU  
TTE  
IAM  
HỒ CH

0-0  
HÀM  
TẾ  
HI M

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI (Tiếp theo)**

**Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp**

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC (“Thông tư 228”) ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Giám đốc thấy rằng Thông tư 89 chỉ sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 về nội dung trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp. Trong báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty không có khoản đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp. Vì thế, Ban giám đốc đánh giá Thông tư 89 không có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của công ty do Công ty mẹ kiểm soát (công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty mẹ trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ sở hữu của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty mẹ trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính là năm năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế thương mại từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, và các khoản ký quỹ.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và các chi phí liên quan, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc thiết bị	3
Thiết bị văn phòng	2 - 5
Phương tiện vận tải	5 - 12

**Thuê hoạt động**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính, giấy chứng nhận chứng chỉ ISO 9001:2008 được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính và giấy chứng nhận chứng chỉ ISO 9001:2008 được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

**Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí cải tạo, sửa chữa văn phòng, chi phí vật tư xuất dùng cho tàu, chi phí sửa chữa tàu và các chi phí khác, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng từ hai đến mười năm.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính không được dùng để chia cho các cổ đông.

**Chi phí đi vay**

Tất cả chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

500-  
NHÀ  
IG T  
IÊN H  
OIT  
I NA  
P. HC  
390  
IG T  
PH.  
SÀN  
UỐ  
P. HC

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ**

Lầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập phải trả và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	47.799.173	223.612.907
Tiền gửi ngân hàng	38.584.710.016	18.626.463.040
Các khoản tương đương tiền	10.542.500.000	105.000.000.000
	<u><u>49.175.009.189</u></u>	<u><u>123.850.075.947</u></u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi bằng đồng Đô la Mỹ có kỳ hạn ba tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam, với lãi suất hàng năm được hưởng là 0,25% (31 tháng 12 năm 2012: Các khoản tiền gửi bằng đồng Việt Nam có kỳ hạn ba tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á - Chi nhánh Sài Gòn với lãi suất hàng năm được hưởng là 9%).

**6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN**

Đầu tư ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn sáu tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam, với lãi suất hàng năm được hưởng từ 7,1% - 7,2% (31 tháng 12 năm 2012: Lãi suất hàng năm được hưởng là 9%).

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.435.153.481	2.563.250.000
Phải thu khác	790.553.215	2.241.387.006
	<u><u>3.225.706.696</u></u>	<u><u>4.804.637.006</u></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ**

Lầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***8. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nguyên liệu, vật liệu	15.021.733.513	16.995.426.785
Công cụ, dụng cụ	53.556.219	1.768.086.970
	<u><b>15.075.289.732</b></u>	<u><b>18.763.513.755</b></u>

**9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc thiết bị <u>VND</u>	Thiết bị văn phòng <u>VND</u>	Phương tiện vận tải <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2013	2.537.157.147	1.043.045.231	360.268.227.327	363.848.429.705
Tăng trong năm	3.014.900.940	344.400.001	185.275.315.000	188.634.615.941
Giảm khác (*)	<u>(205.822.638)</u>	<u>(826.647.257)</u>	-	<u>(1.032.469.895)</u>
Tại ngày 31/12/2013	<u>5.346.235.449</u>	<u>560.797.975</u>	<u>545.543.542.327</u>	<u>551.450.575.751</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2013	(1.069.782.452)	(820.516.937)	(159.485.447.699)	(161.375.747.088)
Khấu hao trong năm	(945.128.806)	(195.850.268)	(44.830.820.719)	(45.971.799.793)
Giảm khác (*)	32.871.990	729.697.003	-	762.568.993
Tại ngày 31/12/2013	<u>(1.982.039.268)</u>	<u>(286.670.202)</u>	<u>(204.316.268.418)</u>	<u>(206.584.977.888)</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 31/12/2013	<u><b>3.364.196.181</b></u>	<u><b>274.127.773</b></u>	<u><b>341.227.273.909</b></u>	<u><b>344.865.597.863</b></u>
Tại ngày 31/12/2012	<u><b>1.467.374.695</b></u>	<u><b>222.528.294</b></u>	<u><b>200.782.779.628</b></u>	<u><b>202.472.682.617</b></u>

(\*) Điều chỉnh giảm giá trị còn lại của các tài sản cố định hữu hình không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá tài sản cố định (nhỏ hơn 30.000.000 đồng) theo hướng dẫn của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 14, Công ty đã thế chấp phương tiện vận tải với nguyên giá và giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 lần lượt là 318.372.162.966 đồng và 272.104.627.299 đồng (31 tháng 12 năm 2012: 202.430.614.271 đồng và 137.477.692.384 đồng) làm đảm bảo cho khoản vay được đồng tài trợ bởi Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam (trước đây là Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam), và khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Thăng Long.

Ngoài ra, Công ty cũng đã thế chấp phương tiện vận tải với nguyên giá và giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 lần lượt là 94.759.233.638 đồng và 33.941.389.417 đồng (31 tháng 12 năm 2012: 25.425.467.333 đồng và 11.781.814.799 đồng) cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Thăng Long để phát hành thư bảo lãnh thanh toán kinh doanh khí hóa lỏng. Thư bảo lãnh này có hiệu lực từ ngày 07 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.

Nguyên giá của tài sản cố định tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 1.145.358.638 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 518.152.961 đồng).



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ**

Lầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy tính VND	Giấy chứng nhận VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2013 và ngày 31/12/2013	136.080.000	126.340.550	262.420.550
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2013	(132.909.677)	(84.227.034)	(217.136.711)
Khấu hao trong năm	(3.170.323)	(42.113.516)	(45.283.839)
Tại ngày 31/12/2013	<u>(136.080.000)</u>	<u>(126.340.550)</u>	<u>(262.420.550)</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 31/12/2013	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
Tại ngày 31/12/2012	<u>3.170.323</u>	<u>42.113.516</u>	<u>45.283.839</u>

Nguyên giá của phần mềm máy tính đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 262.420.550 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 0 đồng).

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Chi phí sửa chữa tàu	38.412.837.837	39.372.738.563
Chi phí vật tư tàu	7.192.021.922	9.228.464.025
Chi phí thuê văn phòng	3.567.598.364	-
Chi phí thuê xe	470.454.545	-
Chi phí di dời, sửa chữa văn phòng	7.970.570	367.845.688
	<u>49.650.883.238</u>	<u>48.969.048.276</u>

**12. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI**

	Lợi thế thương mại VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Tại ngày 01/01/2013 và 31/12/2013	3.549.487.173
<b>HAO MÒN</b>	
Tại ngày 01/01/2013	(1.419.795.436)
Phân bổ trong năm	<u>(709.897.435)</u>
Tại ngày 31/12/2013	<u>(2.129.692.871)</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày 31/12/2013	<u>1.419.794.302</u>
Tại ngày 31/12/2012	<u>2.129.691.737</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ**

Lầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	279.242.609	551.397.370
Thuế nhập khẩu	-	132.298.776
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.242.057.062	4.675.082.558
Thuế thu nhập cá nhân	298.844.346	660.769.103
	<u><b>5.820.144.017</b></u>	<u><b>6.019.547.807</b></u>

Chi tiết tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước theo từng loại thuế như sau:

	31/12/2012	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	349.246.672	13.118.860.553	(13.188.864.616)	279.242.609
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	202.150.698	775.993.466	(978.144.164)	-
Thuế nhập khẩu	132.298.776	302.249.966	(434.548.742)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.675.082.558	19.105.114.856	(18.538.140.352)	5.242.057.062
Thuế thu nhập cá nhân	660.769.103	2.415.713.600	(2.777.638.357)	298.844.346
Thuế và các khoản phải nộp khác	-	8.952.076	(8.952.076)	-
<b>Tổng cộng</b>	<u><b>6.019.547.807</b></u>	<u><b>35.726.884.517</b></u>	<u><b>(35.926.288.307)</b></u>	<u><b>5.820.144.017</b></u>

**14. VAY DÀI HẠN**

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam (*)	51.658.250.000	65.567.250.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Thăng Long (**)	130.000.000.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long	-	11.762.600.000
	<u><b>181.658.250.000</b></u>	<u><b>77.329.850.000</b></u>

(\*) Đây là khoản vay dài hạn đồng tài trợ bởi Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam (trước đây là Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam) với tổng hạn mức tín dụng là 5.384.512 Đô la Mỹ. Khoản vay này có thời hạn 7 năm và chịu lãi suất lãi tiền vay hàng năm là 5,5% trong sáu tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân và bằng tổng bình quân lãi suất tiết kiệm bằng Đô la Mỹ của cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của bốn ngân hàng tham khảo được quy định trong hợp đồng cộng 3%. Khoản vay được đảm bảo bằng phương tiện vận tải hình thành từ vốn vay của Công ty (xem Thuyết minh số 9).

(\*\*) Đây là khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Thăng Long với tổng hạn mức vay là 130.000.000.000 đồng. Khoản vay này chịu lãi suất lãi tiền vay hàng năm là 6,75% từ ngày 30 tháng 8 năm 2013 đến ngày 30 tháng 11 năm 2013, sau đó chịu lãi suất lãi tiền vay hàng năm bằng lãi suất huy động tiết kiệm đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau cộng 5,5% và được trả hàng tháng. Nợ gốc của khoản vay này sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 26 tháng 02 năm 2014 đến ngày 30 tháng 8 năm 2018. Khoản vay này được đảm bảo bằng phương tiện vận tải hình thành từ vốn vay của Công ty (xem Thuyết minh số 9).

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ**

Lầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**14. VAY DÀI HẠN (Tiếp theo)**

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	42.127.921.052	26.333.100.000
Trong năm thứ hai	42.127.921.052	14.570.500.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	<u>97.402.407.896</u>	<u>36.426.250.000</u>
	<b>181.658.250.000</b>	<b>77.329.850.000</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay và nợ ngắn hạn)	42.127.921.052	26.333.100.000
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b><u>139.530.328.948</u></b>	<b><u>50.996.750.000</u></b>

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	31/12/2013		31/12/2012	
	<u>Số cổ phần</u>	<u>VND</u>	<u>Số cổ phần</u>	<u>VND</u>
Được phép phát hành	30.000.000	300.000.000.000	30.000.000	300.000.000.000
Đã phát hành và góp vốn đủ	<u>30.000.000</u>	<u>300.000.000.000</u>	<u>30.000.000</u>	<u>300.000.000.000</u>

<b>Cổ phiếu</b>	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng + Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	30.000.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành + Cổ phiếu phổ thông	<u>30.000.000</u>	<u>30.000.000</u>

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng lợi tức cố định với mệnh giá 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Công ty.

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:**

	Vốn cổ đông <u>VND</u>	Vốn khác của chủ sở hữu <u>VND</u>	Quỹ đầu tư phát triển <u>VND</u>	Quỹ dự phòng tài chính <u>VND</u>	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
Tại ngày 01/01/2012	300.000.000.000	-	5.173.922.567	2.586.961.285	41.694.581.419	349.455.465.271
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	42.563.318.277	42.563.318.277
Trích lập các quỹ	-	1.709.511.521	761.488.650	2.090.253.998	(6.023.942.550)	(1.462.688.381)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(30.000.000.000)	(30.000.000.000)
Điều chỉnh lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	338.825.690	338.825.690
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	(2.490)	(2.490)
Tại ngày 31/12/2012	<u>300.000.000.000</u>	<u>1.709.511.521</u>	<u>5.935.411.217</u>	<u>4.677.215.283</u>	<u>48.572.780.346</u>	<u>360.894.918.367</u>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	46.347.992.100	46.347.992.100
Trích lập các quỹ	-	-	857.608.518	2.500.657.070	(3.358.265.588)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (1)	-	-	-	-	(2.500.657.210)	(2.500.657.210)
Trích quỹ khen thưởng Ban quản lý, điều hành (1)	-	-	-	-	(400.000.000)	(400.000.000)
Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát không chuyên trách (1)	-	-	-	-	(149.250.000)	(149.250.000)
Chia cổ tức (2)	-	-	-	-	(30.000.000.000)	(30.000.000.000)
Tại ngày 31/12/2013	<u>300.000.000.000</u>	<u>1.709.511.521</u>	<u>6.793.019.735</u>	<u>7.177.872.353</u>	<u>58.512.599.648</u>	<u>374.193.003.257</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ**

Lầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****Thay đổi trong vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

- (1) Đây là số trích lập các quỹ và thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Quản lý điều hành và Ban kiểm soát không chuyên trách từ lợi nhuận sau thuế của năm tài chính 2012 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 06/NQ-VTSPK-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2013.
- (2) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 06/NQ-VTSPK-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2013, Công ty đã thông qua việc chia cổ tức cho cổ đông từ lợi nhuận sau thuế của năm tài chính 2012 với số tiền là 30.000.000.000 đồng.

Chi tiết các cổ đông sở hữu từ 5% cổ phần trở lên tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2013		31/12/2012	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	203.209.000.000	67,7	203.209.000.000	67,7
Cổ đông khác	96.791.000.000	32,3	96.791.000.000	32,3
	<b>300.000.000.000</b>		<b>300.000.000.000</b>	

**16. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ**

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty con - Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt. Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số cụ thể như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
Vốn góp của công ty con (VND)	100.000.000.000	50.000.000.000
Trong đó:		
- Vốn góp của Công ty mẹ (VND)	51.000.000.000	25.500.000.000
- Vốn góp của cổ đông thiểu số (VND)	49.000.000.000	24.500.000.000
<b>Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số</b>	<b>49%</b>	<b>49%</b>

Lợi ích của cổ đông thiểu số đối với giá trị tài sản thuần:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Vốn cổ đông	49.000.000.000	24.500.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	1.555.603.162	731.626.350
Quỹ dự phòng tài chính	777.799.805	365.811.399
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	8.636.672.255	8.227.818.922
	<b>59.970.075.222</b>	<b>33.825.256.671</b>

Công ty đã nhận cầm cố toàn bộ số cổ phần của ông Nguyễn Hồng Hiệp (cổ đông thiểu số) trong Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt (công ty con) với giá trị 47.000.000.000 đồng theo hợp đồng cầm cố cổ phần số 01/HĐCC ngày 21 tháng 11 năm 2013 để bảo đảm thực hiện các Hợp đồng mua bán hàng hóa giữa Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt và các khách hàng được đảm bảo, được đề cập trong hợp đồng cầm cố. Nghĩa vụ được đảm bảo bao gồm nhưng không giới hạn: tiền mua hàng, lãi chậm thanh toán, tiền phạt vi phạm hợp đồng, chi phí xử lý tài sản, các khoản chi phí khác và tiền bồi thường thiệt hại.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ**Lầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***16. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ (Tiếp theo)**

Lợi ích của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh trong năm:

	2013 <u>VND</u>	2012 <u>VND</u>
Lợi nhuận trong năm	17.650.247.845	16.817.730.945
Lợi nhuận của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh	<u>8.648.621.444</u>	<u>8.240.688.163</u>

**17. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ****Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành hai bộ phận hoạt động - Bộ phận kinh doanh hàng hóa và Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận tải. Công ty lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận theo hai bộ phận kinh doanh này. Hoạt động chủ yếu của hai bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận kinh doanh hàng hóa - kinh doanh các mặt hàng khí hóa lỏng và xăng dầu.

Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận tải - kinh doanh vận tải khí hóa lỏng bằng tàu và các dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải biển.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

**Bảng cân đối kế toán****31/12/2013**

	Hàng hóa <u>VND</u>	Dịch vụ vận tải <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
<b>Tài sản</b>			
Tài sản bộ phận	45.568.628.448	647.301.557.435	692.870.185.883
Tài sản không phân bổ			<u>8.576.867.506</u>
<b>Tổng tài sản hợp nhất</b>			<u><b>701.447.053.389</b></u>

**Nợ phải trả**

Nợ phải trả bộ phận	48.000.217.813	216.577.361.615	264.577.579.428
Nợ phải trả không phân bổ			<u>2.706.395.482</u>
<b>Tổng nợ phải trả hợp nhất</b>			<u><b>267.283.974.910</b></u>

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh****Năm 2013**

	Hàng hóa <u>VND</u>	Dịch vụ vận tải <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
Doanh thu thuần	287.867.954.747	576.862.070.272	864.730.025.019
Giá vốn	<u>(286.793.345.802)</u>	<u>(481.733.822.126)</u>	<u>(768.527.167.928)</u>
<b>Lãi gộp</b>	<u><b>1.074.608.945</b></u>	<u><b>95.128.248.146</b></u>	<u><b>96.202.857.091</b></u>
Chi phí bán hàng	(346.295.488)	(671.524.938)	(1.017.820.426)
Chi phí quản lý doanh nghiệp			<u>(31.114.688.407)</u>
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>			<u><b>64.070.348.258</b></u>
Doanh thu hoạt động tài chính			13.735.678.120
Chi phí tài chính			(7.891.834.453)
Lợi nhuận khác			<u>4.057.299.282</u>
Lợi nhuận trước thuế			73.971.491.207
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp			<u>18.974.877.663</u>
<b>Lợi nhuận trong năm</b>			<u><b>54.996.613.544</b></u>

**Thông tin khác**

Khấu hao		46.017.083.632	<u>46.017.083.632</u>
----------	--	----------------	-----------------------

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ**

Lầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***17. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (Tiếp theo)****Bảng cân đối kế toán**

<b>31/12/2012</b>	Hàng hóa <u>VND</u>	Dịch vụ vận tải <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
<b>Tài sản</b>			
Tài sản bộ phận	1.779.335.169	502.934.192.620	504.713.527.789
Tài sản không phân bổ			10.400.831.655
<b>Tổng tài sản hợp nhất</b>			<b><u>515.114.359.444</u></b>
<b>Nợ phải trả</b>			
Nợ phải trả bộ phận	9.672.450.000	96.562.644.984	106.235.094.984
Nợ phải trả không phân bổ			14.159.089.422
<b>Tổng nợ phải trả hợp nhất</b>			<b><u>120.394.184.406</u></b>

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

<b>Năm 2012</b>	Hàng hóa <u>VND</u>	Dịch vụ vận tải <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
Doanh thu thuần	192.797.346.091	496.194.781.043	688.992.127.134
Giá vốn	<u>(190.224.216.127)</u>	<u>(417.750.907.748)</u>	<u>(607.975.123.875)</u>
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b><u>2.573.129.964</u></b>	<b><u>78.443.873.295</u></b>	<b><u>81.017.003.259</u></b>
Chi phí bán hàng	(1.639.252.966)	(91.442.713)	(1.730.695.679)
Chi phí quản lý doanh nghiệp			<u>(28.045.801.630)</u>
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>			<b><u>51.240.505.950</u></b>
Doanh thu hoạt động tài chính			19.861.379.512
Chi phí tài chính			<u>(8.233.957.742)</u>
Lợi nhuận khác			3.132.342.458
Lợi nhuận trước thuế			66.000.270.178
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp			<u>15.196.263.738</u>
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>			<b><u>50.804.006.440</u></b>
<b>Thông tin khác</b>			
Khấu hao		41.018.604.259	<u>41.018.604.259</u>

**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp dịch vụ vận tải khí hóa lỏng và kinh doanh hàng hóa (xăng, dầu và khí hóa lỏng). Dịch vụ vận tải chủ yếu được thực hiện từ khu vực Nhà máy lọc dầu Dung Quất đến các tỉnh lân cận. Hoạt động kinh doanh hàng hóa chủ yếu được thực hiện ở Hà Nội và một số tỉnh phía Nam. Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng rủi ro và lợi ích kinh tế của các hoạt động này không có sự khác biệt đáng kể trong các khu vực nội địa. Theo đó, Ban Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo tài chính bộ phận theo khu vực địa lý trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 “Báo cáo bộ phận” và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ**

Lầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	2013	2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu bán hàng	287.867.954.747	192.797.346.091
Doanh thu cung cấp dịch vụ	<u>576.862.070.272</u>	<u>496.194.781.043</u>
	<u><b>864.730.025.019</b></u>	<u><b>688.992.127.134</b></u>

**19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	2013	2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	286.793.345.802	190.224.216.127
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	<u>481.733.822.126</u>	<u>417.750.907.748</u>
	<u><b>768.527.167.928</b></u>	<u><b>607.975.123.875</b></u>

**20. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	2013	2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	101.064.641.452	166.017.321.850
Chi phí nhân công	56.460.167.998	50.643.574.916
Chi phí khấu hao tài sản cố định	46.017.083.632	41.018.604.259
Chi phí dịch vụ mua ngoài	281.863.908.584	170.085.436.617
Chi phí khác	<u>28.460.529.293</u>	<u>19.762.467.415</u>
	<u><b>513.866.330.959</b></u>	<u><b>447.527.405.057</b></u>

**21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2013	2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi	13.348.275.212	19.352.324.420
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	387.402.908	403.264.714
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	105.790.378
	<u><b>13.735.678.120</b></u>	<u><b>19.861.379.512</b></u>

**22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	2013	2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền vay	6.976.321.316	8.091.729.054
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	155.486.080	142.228.688
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	<u>760.027.057</u>	<u>-</u>
	<u><b>7.891.834.453</b></u>	<u><b>8.233.957.742</b></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ**Lầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***23. LỢI NHUẬN KHÁC**

	2013 <u>VND</u>	2012 <u>VND</u>
Thu lãi phạt, tiền phạt	-	3.192.029.086
Thu tiền bồi thường bảo hiểm	4.098.544.112	2.621.475.403
Thu khác	230.076.372	269.277.712
	<u>4.328.620.484</u>	<u>6.082.782.201</u>
Lãi phạt, tiền phạt phải trả	-	(2.918.800.514)
Chi phí khác	(271.321.202)	(31.639.229)
	<u>(271.321.202)</u>	<u>(2.950.439.743)</u>
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác</b>	<u><b>4.057.299.282</b></u>	<u><b>3.132.342.458</b></u>

**24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	2013 <u>VND</u>	2012 <u>VND</u>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	73.971.491.207	66.000.270.178
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.141.085.809	972.279.253
Cộng: Các khoản doanh thu tính thuế	591.987.239	-
Trừ: Các khoản điều chỉnh do hợp nhất	(32.514.812)	(2.503.532)
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<u><b>75.672.049.443</b></u>	<u><b>66.970.045.899</b></u>
Thuế suất	25%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<u><b>18.918.012.362</b></u>	<u><b>16.742.511.475</b></u>
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước	187.102.494	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	-	(1.546.247.737)
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<u><b>19.105.114.856</b></u>	<u><b>15.196.263.738</b></u>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có khoản chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị sổ sách của tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập tương ứng.

**25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty như sau:

	<u>2013</u>	<u>2012</u>
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty (VND)	46.347.992.100	42.563.318.277
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	46.347.992.100	42.563.318.277
Số bình quân gia quyền của cổ phần phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (Cổ phiếu)	30.000.000	30.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>	<u><b>1.545</b></u>	<u><b>1.419</b></u>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**26. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	2013 <u>VND</u>	2012 <u>VND</u>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	<u>5.207.664.690</u>	<u>5.874.073.254</u>
Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:		
	31/12/2013 <u>VND</u>	31/12/2012 <u>VND</u>
Trong vòng một năm	3.497.783.785	2.662.323.896
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	9.860.941.758	2.405.231.532
Sau năm năm	<u>7.118.063.100</u>	<u>2.209.806.470</u>
	<u><b>20.476.788.643</b></u>	<u><b>7.277.361.898</b></u>

Các khoản cam kết thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền Công ty phải trả cho:

- Thuê xe từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 24 tháng 02 năm 2014 và từ ngày 27 tháng 11 năm 2015 đến ngày 26 tháng 11 năm 2018.
- Thuê kho từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014.
- Thuê văn phòng từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 9 năm 2016 và từ ngày 01 tháng 12 năm 2017 đến ngày 30 tháng 9 năm 2023.

**27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 14, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2013 <u>VND</u>	31/12/2012 <u>VND</u>
Các khoản vay	181.658.250.000	77.329.850.000
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	49.175.009.189	123.850.075.947
Nợ thuần	132.483.240.811	(46.520.225.947)
Vốn chủ sở hữu	<u>374.193.003.257</u>	<u>360.894.918.367</u>
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<u><b>0,35</b></u>	<u><b>-</b></u>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

00-00  
 NHẢNH  
 Q TY  
 IEN HUU  
 OITTT  
 NAM  
 HOC  
 530  
 TY  
 AN  
 PHA  
 C TE  
 HO CH

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ**

Lầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	49.175.009.189	123.850.075.947
Phải thu khách hàng và phải thu khác	76.916.988.411	33.725.090.192
Các khoản đầu tư tài chính	155.000.000.000	75.000.000.000
Các khoản ký quỹ	1.661.250.635	908.000.000
	<b>282.753.248.235</b>	<b>233.483.166.139</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	181.658.250.000	77.329.850.000
Phải trả người bán và phải trả khác	69.426.636.436	27.117.488.687
Chi phí phải trả	1.525.867.621	2.051.550.838
	<b>252.610.754.057</b>	<b>106.498.889.525</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2013	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	17.105.111.186	7.344.087.974	51.910.188.610	66.461.961.289
Yên Nhật (JPY)	-	-	3.464.580.709	1.960.123.247
Euro (EUR)	5.975.088	6.258.216	-	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

***Rủi ro thị trường (tiếp theo)***

***Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ***

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá đồng Đô la Mỹ.

Công ty phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 3% so với đồng Đô la Mỹ. Tỷ lệ thay đổi 3% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 3% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá đồng Đô la Mỹ so với đồng Việt Nam tăng/giảm 3% thì lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm của Công ty sẽ giảm/tăng một khoản tương ứng là 1.044.152.323 đồng (năm 2012: 1.963.312.874 đồng). Phân tích biến động rủi ro tỷ giá tương tự cho đồng Euro, đồng Yên Nhật Bản thì không có ảnh hưởng trọng yếu đến lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm của Công ty.

***Quản lý rủi ro lãi suất***

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

***Độ nhạy của lãi suất***

Độ nhạy của khoản vay của Công ty (xem Thuyết minh số 14) đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất thả nổi của khoản vay này tăng/giảm 100 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 sẽ giảm/tăng 1.816.582.500 đồng (năm 2012: 773.298.500 đồng).

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Ban Giám đốc đánh giá rằng không có rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

***Rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trợ giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông đã góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở tài sản và công nợ thuần.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ**

Lầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)**

<b>31/12/2013</b>	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	49.175.009.189	-	49.175.009.189
Phải thu khách hàng và phải thu khác	76.916.988.411	-	76.916.988.411
Các khoản đầu tư tài chính	155.000.000.000	-	155.000.000.000
Các khoản ký quỹ	28.800.000	1.632.450.635	1.661.250.635
	<b>281.120.797.600</b>	<b>1.632.450.635</b>	<b>282.753.248.235</b>
Các khoản vay	42.127.921.052	139.530.328.948	181.658.250.000
Phải trả người bán và phải trả khác	69.426.636.436	-	69.426.636.436
Chi phí phải trả	1.525.867.621	-	1.525.867.621
	<b>113.080.425.109</b>	<b>139.530.328.948</b>	<b>252.610.754.057</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>168.040.372.491</b>	<b>(137.897.878.313)</b>	<b>30.142.494.178</b>
<b>31/12/2012</b>	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	123.850.075.947	-	123.850.075.947
Phải thu khách hàng và phải thu khác	33.725.090.192	-	33.725.090.192
Các khoản đầu tư tài chính	75.000.000.000	-	75.000.000.000
Các khoản ký quỹ	23.000.000	885.000.000	908.000.000
	<b>232.598.166.139</b>	<b>885.000.000</b>	<b>233.483.166.139</b>
Các khoản vay	26.333.100.000	50.996.750.000	77.329.850.000
Phải trả người bán và phải trả khác	27.117.488.687	-	27.117.488.687
Chi phí phải trả	2.051.550.838	-	2.051.550.838
	<b>55.502.139.525</b>	<b>50.996.750.000</b>	<b>106.498.889.525</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>177.096.026.614</b>	<b>(50.111.750.000)</b>	<b>126.984.276.614</b>

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**28. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan:****Bên liên quan**

Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí  
 Công ty Dịch vụ Quản lý Tàu - Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí  
 Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội  
 Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu  
 Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi  
 Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cừ Long  
 Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương

**Mối quan hệ**

Công ty mẹ  
 Chi nhánh của Công ty mẹ  
 Cùng công ty mẹ  
 (Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí)  
 Cùng công ty mẹ  
 (Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí)  
 Cùng công ty mẹ  
 (Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí)  
 Cùng công ty mẹ  
 (Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí)  
 Cùng công ty mẹ  
 (Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí)  
 Cùng công ty mẹ  
 (Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí)  
 Cùng công ty mẹ  
 (Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí)



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ**Lầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)****Danh sách các bên liên quan (tiếp theo):****Bên liên quan****Mối quan hệ**

Công ty TNHH MTV Lọc hoá dầu Bình Sơn	Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí - Chi nhánh Tổng	Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	
Công ty Chế biến Khí Vũng Tàu - Chi nhánh Tổng	Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc	Công ty con của Tổng Công ty Khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	Công ty con của Tổng Công ty Khí Việt Nam
Công ty Bảo hiểm Dầu khí Phía Nam	Công ty thuộc Công ty Cổ phần PVI (Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)
Công ty Bảo hiểm Dầu khí Vũng Tàu	Công ty thuộc Công ty Cổ phần PVI (Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)
Công ty Cổ phần Đóng mới & Sửa chữa Tàu Dầu khí Nhơn Trạch	Công ty thuộc Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất (Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)
Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí Việt Nam	Công ty thuộc Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam (Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)
Công ty TNHH MTV Kiểm định Kỹ thuật An toàn Dầu khí Việt Nam	Công ty thuộc Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam (Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)
Ban quản lý Dự án Nhà máy Lọc dầu Dung Quất	Thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Bảo Hiểm Dầu khí - Chi nhánh Hồ Chí Minh	Công ty thuộc Công ty Cổ phần PVI (Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2013 <u>VND</u>	2012 <u>VND</u>
<b>Cho thuê tàu</b>		
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc	-	127.896.299.722
Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí - Chi nhánh Tổng	127.905.849.672	117.139.901.205
Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần		
Công ty TNHH MTV Lọc hoá dầu Bình Sơn	<u>336.538.514.392</u>	<u>309.008.774.544</u>
<b>Bán nhiên liệu khí on-hire</b>		
Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí - Chi nhánh Tổng	4.730.657.915	-
Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần		
<b>Mua dịch vụ đại lý tàu và mua nhiên liệu</b>		
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	40.244.479.093	5.206.762.547
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	1.647.976.388	2.583.941.003
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	<u>2.944.302.272</u>	<u>2.525.486.643</u>
<b>Thuê xe và mua nhiên liệu</b>		
Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long	<u>608.304.928</u>	<u>243.200.000</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ**Lầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

	2013	2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Mua dịch vụ bảo hiểm</b>		
Công ty Bảo hiểm Dầu khí Phía Nam	5.700.673.896	8.194.954.439
Công ty Bảo Hiểm Dầu khí - Chi nhánh Hồ Chí Minh	148.676.286	2.787.693.884
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí	3.248.683.335	-
Công ty Bảo hiểm Dầu Khí Vũng Tàu	<u>252.600.031</u>	<u>289.821.620</u>
<b>Mua dịch vụ giám định và vật tư an toàn</b>		
Công ty TNHH MTV Kiểm định Kỹ thuật An toàn Dầu khí Việt Nam	<u>277.151.000</u>	<u>403.122.000</u>
<b>Mua khí hóa lỏng và nhiên liệu</b>		
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	103.578.406.347	1.177.000
Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí - Chi nhánh Tổng	8.261.255.125	7.708.511.352
Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	29.196.045.889	1.793.758.089
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc	77.786.607.141	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	38.809.921	31.900.000
Công ty Chế biến khí Vũng Tàu - Chi nhánh Tổng	<u>38.809.921</u>	<u>31.900.000</u>
Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	<u>38.809.921</u>	<u>31.900.000</u>
<b>Chi phí sửa chữa tàu</b>		
Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Tàu Dầu khí Nhơn Trạch	<u>4.230.753.283</u>	<u>7.883.158.770</u>
<b>Mua sơn bảo dưỡng</b>		
Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí Việt Nam	<u>1.727.911.404</u>	<u>-</u>
<b>Chi trả tiền phạt</b>		
Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí - Chi nhánh Tổng	-	775.500.000
Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	<u>-</u>	<u>775.500.000</u>
<b>Cổ tức công bố và chi trả</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	<u>20.320.900.000</u>	<u>20.320.900.000</u>

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2013	2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lương	1.938.987.969	1.321.994.510
Tiền thưởng	19.000.000	6.000.000
	<u>1.957.987.969</u>	<u>1.327.994.510</u>

